**Ngày soạn: 3/9/2024**

**Dạy ngày: 5,6,12/9/2024**

**TIẾT 1,2,3**

**Chương I. CHÂU ÂU**

**BÀI 1. THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU**

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I . MỤC TIÊU** : *Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Âu.

- Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu; đặc điểm phân hóa khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn (Rai-nơ, Đa-nuýp, Vôn-ga); các đới thiên nhiên ở châu Âu.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực tự chủ, tự học.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

***Năng lực Địa lí:***

* Nhận thức khoa học Địa lí:

+ Mô tả được một châu lục với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư - xã hội.

+ Phân tích được tác động của các điếu kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư, đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục.

* Tìm hiểu Địa lí:

+ Sử dụng các công cụ: bản đồ/lược đó, biểu đồ; hình ảnh; số liệu thống kê,...

+ Khai thác thông tin từ internet và các nguồn tư liệu khác để phục vụ cho việc học tập.

* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí; có khả năng trình bày kết quả một bài tập của cá nhân hay của nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bào vệ thiên nhiên.

- Nhân ái: Tôn trọng sự đa dạng vể văn hoá của các dân tộc, các nước.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm hiểu tư liệu trên internet để mở rộng hiểu biết; có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được vào đời sống.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống (sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên; có ý thức tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên)

-Có hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam

.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

* Bản đồ tự nhiên châu Âu.
* Bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở châu Âu.
* Hình ảnh, video về thiên nhiên châu Âu.
* Phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Sách giáo khoa, vở ghi.

- Hoàn thành phiếu bài tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |
| --- |
| **1. Hoạt động 1: Mở đầu**  *a) Mục tiêu:*  - Hình thành được tình huống có vấn đề để kết nối vào bài học.  - Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới.  - Giúp GV biết được những thông tin HS đã có về thiên nhiên châu Âu, để có thể liên hệ và lưu ý khi dạy bài mới.  *b) Nội dung***:**  Học sinh quan sát các hình và dựa vào hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  *- Đây là những địa danh của quốc gia nào ở Châu Âu?*  *- Em hãy kể một số thông tin mà em biết về châu Âu.*    *c) Sản phẩm:*Sau khi trao đổi, HS tìm được đáp án cho câu hỏi.    *d) Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Tổ chức cho HS trò chơi: “Ai nhanh hơn”**  GV: Yêu cầu HS quan sát những hình ảnh về Châu Âu và trả lời các câu hỏi.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  HS: Suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung.  HS: Trình bày kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chuẩn xác và dẫn dắt vào bài học:  Châu Âu được biết đến có thiên nhiên phong phú, đa dạng. tuy không phải là cái nôi nguyên thuỷ của nền văn minh nhân loại, nhưng châu Âu là xứ sở của cội nguồn của sự tiến bộ về khoa học và kỹ thuật. Do đó hầu hết các quốc gia ở Châu Âu có nền kinh tế phát triển đạt tới trình độ cao của thế giới. Tìm hiểu "Vị trí địa lí và đặc điểm tự thiên của châu Âu" là bài mở đầu cho việc tìm hiểu một châu lục có đặc điểm thiên nhiên và sự khai thác thiên nhiên rất hiệu quả của mỗi quốc gia trong châu lục.  HS: Lắng nghe, vào bài mới. |
| **2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1. Tìm hiểu Vị trí địa lí, hình dạng, kích thước**  *a) Mục tiêu*: Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Âu.  *b) Nội dung*  ***Đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 1, hãy:***   * ***- Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.*** * ***- Kể tên các biển và đại dương bao quanh châu Âu.***   *c) Sản phẩm học tập*  ***Nội dung bài ghi:***  **1.Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lãnh thổ của châu Âu:**  **a) Vị trí địa lí:** Châu Âu nằm ở phía tây lục địa Á - Âu, ngăn cách với châu Á bởi dãy núi U-ran. Phần lớn lãnh thổ châu Âu nằm giữa các vĩ tuyến 36°B và 71oB, chủ yếu thuộc đới ôn hoà của bán cầu Bắc.  **Tiếp giáp**: phía bắc giáp Bắc Băng Dương.  phía tây giáp Đại Tây Dương.  phía nam giáp Địa Trung Hải và Biển Đen.  phía đông giáp châu Á.  **b) Hình dạng**: có đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, tạo thành nhiều bán đảo, biển, vũng vịnh ăn sâu vào đất liền.  **c) Kích thước:** diện tích trên 10 triệu km2, so với các châu lục khác thì chỉ lớn hơn châu Đại Dương.  *d) Tổ chức thực hiện*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **HĐ của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | | | **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục a và sử dụng bản đồ hình 1 để trả lời các câu hỏi trong SGK trang 97.   - HS thực hiện nhiệm vụ, sau đó báo cáo kết quả làm việc. ( sử dụng bản đồ tự nhiên châu Âu)  - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời.  - GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **- GV**: + Gọi một vài HS lên trình bày.  + Hướng dẫn HS trình bày.  **- HS**:+ Trả lời câu hỏi của GV.  + HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV: GV nhận xét sản phẩm học tập của HS, bổ sung và chuẩn kiến thức.  **Nội dung dạy lồng ghép** :giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam  - HS: Lắng nghe, ghi bài. | | **1.Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Âu:**  a) Vị trí địa lí: Châu Âu nằm ở phía tây lục địa Á - Âu, ngăn cách với châu Á bởi dãy núi U-ran. Phần lớn lãnh thổ châu Âu nằm giữa các vĩ tuyến 36°B và 71oB, chủ yếu thuộc đới ôn hoà của bán cầu Bắc.  -Tiếp giáp: phía bắc giáp Bắc Băng Dương.  -Phía tây giáp Đại Tây Dương.  -Phía nam giáp Địa Trung Hải và Biển Đen.  -Phía đông giáp châu Á.  b) Hình dạng: có đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, tạo thành nhiều bán đảo, biển, vũng vịnh ăn sâu vào đất liền.  c) Kích thước: diện tích trên 10 triệu km2, so với các châu lục khác thì chi lớn hơn châu Đại Dương. | | | **Hoạt động 2. Tìm hiểu Đặc điểm tự nhiên**  ***GV chia lớp ra 4 nhóm phân công thảo luận chuẩn bị trước ở nhà 4 nội dung và thuyết trình trước lớp. Gv cho HS các nhóm nhận xét, bổ sung. GV chuẩn xác và giải thích thêm (hoặc tìm hiểu từng nội dung trong 4 tiết)***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *NHÓM* | *Hình SGK* | *CÂU HỎI* | | *Nhóm 1* |  | *- Dựa vào thông tin mục a và H1, trang 97-98*  *+ Phân tích đặc điểm các khu vực địa hình của châu Âu*  *+ Xác định vị trí một số dãy núi và đồng bằng lớn ở châu Âu.*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Núi trẻ** | **Đồng bằng** | **Núi già** | | **Phân bố** |  |  |  | | **Hình dạng** |  |  |  | | **Tên địa hình** |  |  |  | | | *Nhóm 2* |  | *- Dựa vào thông tin mục b và H3, trang 98-99:*  *Trình bày đặc điểm phân hóa khí hậu ở châu Âu*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Kiểu khí hậu**  **Đặc điểm** | **Cực và cận cực** | **Ôn đới hải dương** | **Ôn đới lụcđịa** | **Cận nhiệt** | | **Phân bố** |  |  |  |  | | **Đặc điểm** |  |  |  |  | | | *Nhóm 3* |  | *- Dựa vào bản đồ Hình 1, trang 97, hãy:*  + Xác định vị trí các sông: Vôn-ga, Đa-nuýp, Rai-nơ?  + Các sông đổ ra biển và đại dương nào? | | *Nhóm 4* |  | *- Dựa vào thông tin mục d và H5,6,7 trang 98-99*  *Trình bày đặc điểm các đới thiên nhiên ở châu Âu.*   | **Đới thiên nhiên** | **Phân bố** | **Đặc điểm khí hậu** | **Thực vật và dất** | **Động vật** | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Đới lạnh** |  |  |  |  | | **Đới ôn hoà** |  |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |   **Tìm hiểu mục a. Địa hình:**  *a) Mục tiêu*: Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính ở châu Âu.  *b) Nội dung*: Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1, hãy:  - Phân tích đặc điểm các khu vực địa hình chính ở châu Âu.  - Xác định vị trí một số dãy núi và đồng bằng lớn ở châu Âu.  *c) Sản phẩm học tập: PHIẾU HỌC TẬP*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **ĐẶC ĐIỂM** | **NÚI TRẺ** | **ĐỒNG BẰN** | **NÚI GIÀ** | | Phân bố |  |  |  | | Hình dạng |  |  |  | | Tên địa hình |  |  |  |   *d) Tổ chức thực hiện* | | | | | **HĐ của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | | | **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS làm việc cặp đôi.   * GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1, cho biết:   + Châu Âu có các khu vực địa hình chính nào? Phân bố ở đâu?  + Đặc điểm chính của mỗi khu vực địa hình?  ***PHIẾU HỌC TẬP***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **ĐẶC ĐIỂM** | **NÚI TRẺ** | **ĐỒNG BẰNG** | **NÚI GIÀ** | | Phân bố | - Phía nam châu lục  - Phía Tây và Trung Âu | - Trải dài từ tây sang đông, chiếm 2/3 diện tích châu lục | - Vùng trung tâm  - Phía Bắc châu lục | | Hình dạng | Đỉnh nhọn, cao, sườn dốc. | - Tương đối phẳng | Đỉnh tròn thấp, sườn thoải. | | Tên địa hình | Dãy An-Pơ, A-pen-nin, Các-pat, Ban-căng, Pi-rê-nê. | - Đồng bằng: Đông Âu, Pháp, hạ lưu sông Đa-nuýp, Bắc Âu | - U-ran.  - Xcan-đi-na-vi.  - Hec-xi-ni. |   - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời.  - GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **- GV**: + Gọi một vài HS lên trình bày.  + Hướng dẫn HS trình bày.  **- HS**:+ Trả lời câu hỏi của GV.  + HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV: GV nhận xét sản phẩm học tập của HS, bổ sung và chuẩn kiến thức.  - HS: Lắng nghe, ghi bài. | | ***2. Đặc điểm tự nhiên:***  ***a. Địa hình:***  - Châu Âu có hai khu vực địa hình: đồng bằng và miền núi.  + Đồng bằng chiếm 2/3 diện tích châu lục. Các đồng bằng được hình thành do nhiều nguồn gốc khác nhau nên có đặc điểm địa hình khác nhau.  + Khu vực miền núi gồm núi già và núi trẻ. Địa hình núi già phân bố ở phía bắc và trung tâm châu lục; phẩn lớn là các núi có độ cao trung bình hoặc thấp. Địa hình núi trẻ phân bố chủ yếu ở phía nam; phấn lớn là các núi có độ cao trung bình dưới 2 000 m.  - Một số dãy núi và đồng bằng lớn ở châu Âu:  + Một số dãy núi: Xcan-đi-na-vi, U-ran, An-pơ, Các-pát, Ban-căng,...  + Một số đồng bằng: Bắc Âu, Đông Âu, Hạ lưu Đa-nuýp, Trung lưu Đa-nuýp,... | | | ***Hoạt động Tìm hiểu Khí hậu***  *a) Mục tiêu*: Phân tích được đặc điểm phân hóa khí hậu ở châu Âu.  *b) Nội dung*:  *Dựa vào thông tin trong mục b và hình 3, hãy trình bày đặc điểm phân hoá khí hậu ở châu Âu*.   |  |  | | --- | --- | | *+ Trên sườn núi An-pơ có những vành đai thực vật nào, độ cao của từng vành đai?*  *+ Tại sao thảm thực vật lại thay đổi như vậy?* | ***Chart  Description automatically generated*** |   ***-*** *Tại sao ở châu Âu, càng vào sâu trong nội địa, lượng mưa càng giảm và nhiệt độ càng tăng?*  ***PHIẾU HỌC TẬP***   | **Đới thiên nhiên** | | **Phân bố** | **Đặc điểm khí hậu** | | --- | --- | --- | --- | | **Cực và cận cực** | |  |  | | **Ôn đới** | Hải dương |  |  | | Lục địa |  |  | | **Đới cận nhiệt** | |  |  |   *c) Sản phẩm học tập:*  Khí hậu châu Âu có sự phân hoá từ bắc xuống nam và từ tây sang đông, tạo nên nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau:  ***PHIẾU HỌC TẬP***   | **Đới thiên nhiên** | | **Phân bố** | **Đặc điểm khí hậu** | | --- | --- | --- | --- | | **Cực và cận cực** | | Các đảo vùng cực và Bắc Âu. | quanh năm lạnh giá, lượng mưa rất ít. | | **Ôn đới** | Hải dương | Các đảo và ven biển phía Tây. | * Mùa hạ mát. Mùa đông không lạnh lắm. * Nhiệt độ: trên 0oC * Mưa quanh năm, tương đối lớn. | | Lục địa | Vùng trung tâm và Đông Âu | Mùa hè nóng, mùa đông lạnh, có tuyết rơi nhiều, mưa ít, giảm dần từ tây sang đông. | | **Đới cận nhiệt** | | Nam Âu (cận nhiệt địa trung hải) | Khí hậu cận nhiệt địa trung hải, mùa hạ nóng, khô; mùa đông ấm và lượng mưa trung bình. |   *d) Tổ chức thực hiện* | | | | | **HĐ của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | | | **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS làm việc cặp đôi.  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, đọc thông tin trong SGK, kết hợp với quan sát hình 3. Bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở châu Âu để nêu được các đặc điếm phân hoá khí hậu ở châu Âu.  <http://youtube.com/watch?v=r82-MKFNDrQ>  - GV gợi ý:  + Từ bắc xuống nam có các đới, kiều khí hậu nào? Từ tây sang đông có các kiểu khí hậu nào?  + Đặc điểm của mỗi đới, mỗi kiểu khí hậu là gì?  + Nhận xét chung về sự phân hoá khí hậu ở châu Âu.  - GV chỉ định một vài cặp đôi trình bày kết quả làm việc, yêu cầu HS xác định vị trí, phạm vi các đới và kiểu khí hậu ở châu Âu trên bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở châu Âu .  - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời.  - GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **- GV**: + Gọi một vài HS lên trình bày.  + Hướng dẫn HS trình bày.  **- HS**: + Trả lời câu hỏi của GV.  + HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV: GV nhận xét sản phẩm học tập của HS, bổ sung và chuẩn kiến thức.  - HS: Lắng nghe, ghi bài.  - GV tóm tắt, nhận xét phần trình bày cùa HS, chuẩn hoá kiến thức và giải thích thêm:  + Khí hậu châu Âu có sự phân hoá đa dạng từ bắc xuống nam và từ tây sang đông.  + Từ bắc xuống nam có các đới khí hậu cực và cận cực, ôn đới và kiều khí hậu cận nhiệt địa trung hải.  + Từ tây sang đông có các kiểu khí hậu ôn đới hải dương và ôn đới lục địa.  Giải thích vì sao phía Tây châu Âu có khí hậu ấm áp và mưa nhiều hơn phía đông?  Khu vực Tây Âu do chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương và gió Tây ôn đới từ biển vào, vì thế khí hậu điều hoà, mùa đông tương đối ấm, mùa hạ mát mưa quanh năm, lượng mưa trung bình năm từ 800 - 1 000 mm trở lên. Vào sâu trong lục địa: mùa đông khô và lạnh, mùa hạ nóng và ấm, lượng mưa ít (khoảng 500 mm/năm), mưa chủ yếu vào mùa hạ. | | ***b. Khí hậu:***  - Khí hậu châu Âu có sự phân hoá đa dạng từ bắc xuống nam và từ tây sang đông.  + Từ bắc xuống nam có các đới khí hậu cực và cận cực, ôn đới và kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.  + Từ tây sang đông có các kiểu khí hậu ôn đới hải dương và ôn đới lục địa.  - Phân hóa theo độ cao. | | | ***Hoạt động Tìm hiểu Sông ngòi***  *a) Mục tiêu*  Xác định được trên bản đồ các sông lớn ở châu Âu.  *b) Nội dung*  Hãy xác định các sông: Vôn-ga, Đa-nuýp, Rai-nơ trên bản đồ hình 1. Cho biết các sông đổ ra biển nào?    *c) Sản phẩm học tập*  HS xác định được trên bản đồ theo yêu cầu của GV các sông: Rai nơ, Đa-nuýp, Von-ga.  *d) Hướng dẫn thực hiện* | | | | | Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ  - GV cho HS làm việc cặp đôi. GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và quan sát bản đồ hình 1 để thực hiện nhiệm vụ. GV có thể đưa ra các câu hỏi gợi mở: Mạng lưới sông ngòi châu Âu dày đặc hay thưa thớt? Chế độ nước của sông ngòi tại đây như thế nào? Tên một số sông lớn ở châu Âu?  + HS xác định được trên bản đồ các sông: Rai nơ, Đa-nuýp, Von-ga.  + Các sông chảy ra biển và đại dương nào?  - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - HS: Tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời.  - GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.  Bước 3. Báo cáo, thảo luận  - GV: + Gọi một vài HS lên trình bày.  + Hướng dẫn HS trình bày.  - HS: + Trả lời câu hỏi của GV.  + HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn.  Bước 4. Kết luận, nhận định  - GV: GV nhận xét sản phẩm học tập của HS, bổ sung và chuẩn kiến thức.  - HS: Lắng nghe, ghi bài.  HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập.   * GV nhận xét sản phẩm học tập của học sinh và chốt kiến thức. GV có thể cung cấp thêm thông tin: Các sông đổ ra Bắc Băng Dương thường đóng băng trong một thời gian dài vào mùa đông, nhất là khu vực các cửa sông. * GV yêu cầu HS đọc phần *"Em có biết"* để có thêm thông tin về các sông lớn ở châu Âu. | *c. Sông ngòi:*  Mạng lưới sông ngòi dày đặc, lượng nước dồi dào.  Các sông lớn: Đa-nuýp, Rai-nơ, Von-ga... | | | **Hoạt động Tìm hiểu *Các đới thiên nhiên***  *a) Mục tiêu*: Phân tích được đặc điểm các đới thiên nhiên ở châu Âu.  *b) Nội dung*  ***Dựa vào hình 1.1, 1.2 và thông tin trong bài, em hãy:***   * Xác định các đới thiên nhiên ở châu Âu. * Cho biết thiên nhiên ở đới ôn hòa của châu Âu có sự phân hóa như thế nào?   Để thực hiện nhiệm vụ này, GV tổ chức cho HS hoàn thành nội dung phiếu học tập (theo mẫu ở dưới): **PHIẾU HỌC TẬP**   | **Đới thiên nhiên** | **Phân bố** | **Đặc điểm khí hậu** | **Thực vật và dất** | **Động vật** | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Đới lạnh** |  |  |  |  | | **Đới ôn hoà** |  |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   *d) Hướng dẫn thực hiện* | | | | | **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**   * - GV cho HS làm việc cặp đôi. GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, khai thác thông tin và quan sát các hình ảnh trong mục để hoàn thành phiếu học tập. Sau quá trình làm việc, các nhóm trình bày kết quả, GV nhận xét và chuẩn kiến thức.   GV có thể cung cấp thêm cho HS hình ảnh, video về cảnh quan, giới sinh vật ở các đới thiên nhiên châu Âu.  - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời.  - GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV: + Gọi một vài HS lên trình bày.  + Hướng dẫn HS trình bày.  - HS: + Trả lời câu hỏi của GV.  + HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV: nhận xét sản phẩm học tập của HS, bổ sung và chuẩn kiến thức.  - HS: Lắng nghe, ghi bài. | | **Đới thiên niên** | | **Phân bố** | **Khí hậu** | **Thực vật và dất** | **Động vật** | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Cực và cận cực** | | Các đảo vùng cực và Bắc Âu. | quanh năm lạnh giá, lượng mưa rất ít. | Chủ yếu là rêu, địa y, cây bụi. Mặt đất bị tuyết bao phủ quanh năm. | Một số loài chịu được lạnh. | | **Ôn đới** | Hải dương | Các đảo và ven biển phía Tây. | * Mùa hạ mát. Mùa đông không lạnh lắm. * Nhiệt độ: trên 0oC * Mưa quanh năm, tương đối lớn. | - Rừng lá rộng.  - Rừng hỗn hợp.  - Đất rừng nâu xám. | Đa dạng về số loài và số lượng cá thể trong mỗi loài. Có các loài thú lớn: gấu nâu, chồn, linh miêu, chó sói, sơn dương,... cùng nhiều loài bò sát và các loài chim. | | Lục địa | Vùng trung tâm và Đông Âu | Mùa hè nóng, mùa đông lạnh, có tuyết rơi nhiều, mưa ít, giảm dần từ tây sang đông. | - Thảo nguyên ôn đới. Đất đen thảo nguyên ôn đới. | | **Đới cận nhiệt** | | Nam Âu (cận nhiệt địa trung hải) | Khí hậu cận nhiệt địa trung hải, mùa hạ nóng, khô; mùa đông ấm và lượng mưa trung bình. | - Rừng và cây bụi lá cứng. |   ***d. Đới thiên nhiên:*** | | |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Lục địa | Vùng trung tâm và Đông Âu | Mùa hè nóng, mùa đông lạnh, có tuyết rơi nhiều, mưa ít, giảm dần từ tây sang đông. | - Thảo nguyên ôn đới. Đất đen thảo nguyên ôn đới. |  | | **Đới cận nhiệt** | | Nam Âu (cận nhiệt địa trung hải) | Khí hậu cận nhiệt địa trung hải, mùa hạ nóng, khô; mùa đông ấm và lượng mưa trung bình. | - Rừng và cây bụi lá cứng. |   3. Hoạt động 3: Luyện tập  *a) Mục tiêu*   * Củng cố và khắc sâu, hệ thống kiến thức cho HS về đặc điểm khí hậu của châu Âu. * Rèn luyện kĩ năng đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.   *b) Nội dung*  *1. Cho biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của hai trạm khí tượng*   1. *Dựa vào hình 1.2, em hãy cho biết hai trạm khí tượng trên đây thuộc kiểu khí hậu nào?* 2. *Nhận xét đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa tại hai trạm khí tượng trên.*   *c) Sản phẩm học tập*  ***PHIẾU HỌC TẬP***  Nhận xét đặc điểm nhiệt độ, lượng mưa:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Biểu đồ(Trạm)**  **Đặc điểm** | **Bret (Pháp)** | **Ca-dan (Liên bang Nga)** | | **Khí hậu:**  **- Nhiệt độ (oC)**  **- Lượng mưa (mm)**  **- Biên độ nhiệt** |  |  | | **Thuộc kiểu khí hậu** |  |  |   *d) Tổ chức thực hiện*  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: tổ chức cho HS hoạt động nhóm, khai thác thông tin và quan sát các hình ảnh trong mục để hoàn thành phiếu học tập. Sau quá trình làm việc, các nhóm trình bày kết quả, GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Tiếp nhận nhiệm vụ và có 1 phút trả lời.  - GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **- GV**:  + Gọi một vài HS lên trình bày.  + Hướng dẫn HS trình bày.  **- HS**:  + Trả lời câu hỏi của GV.  + HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  HS: Lắng nghe, ghi bài.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Biểu đồ(Trạm)**  **Đặc điểm** | **Bret (Pháp)** | **Ca-dan (Liên bang Nga)** | | **Khí hậu:**  **- Nhiệt độ (oC)**  **- Lượng mưa (mm)**  **- Biên độ nhiệt** | Cao nhất (18oC) ,Thấp nhất (8oC)  tương đối lớn (820 mm)  10oC | Cao nhất (20oC), thấp nhất (-8oC)  Mưa ít (443 mm)  28oC | | **Thuộc kiểu khí hậu** | Ôn đới hải dương (mùa hè mát, mùa đông không lạnh lắm). | Ôn đới lục địa |   4. Hoạt động 4: Vận dụng  *a) Mục tiêu*  - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.  - Tìm kiếm thông tin để mở rộng kiến thức về tự nhiên châu Âu.  - Rèn luyện năng lực tìm kiếm thông tin, giải quyết vần đề,...  *b) Nội dung*  *2. Em hãy lựa chọn thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:*  *Nhiệm vụ 1: Hãy sưu tầm những thông tin về khí hậu ở châu Âu hiện nay và viết một đoạn ngắn thể hiện tóm tắt những thông tin em sưu tầm được.*  *Nhiệm vụ 2: Hãy sưu tầm những hình ảnh về sông ngòi hoặc các đới thiên nhiên của châu Âu. Chia sẻ với các bạn.*  *c) Sản phẩm học tập*  Hình ảnh và bài viết giới thiệu về sông ngòi và các đới thiên nhiên của châu Âu.  *d) Tổ chức thực hiện*  GV cho HS làm việc ở nhà, HS có thể làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm. GV sẽ tổ chức cho HS trình bày sản phẩm vào đầu giờ học sau và nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS. |
| **HS thực hiện ở nhà**  ***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***  ***Nhiệm vụ 1:*** Hãy sưu tầm những thông tin về khí hậu ở châu Âu hiện nay và viết một đoạn văn ngắn thể hiện tóm tắt những thông tin em sưu tầm được.  ***Nhiệm vụ 2:*** Hãy sưu tầm những hình ảnh về sông ngòi hoặc đới thiên nhiên của châu Âu. Chia sẻ với các bạn.  Video về cảnh quan mùa thu ở châu Âu  ***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS hỏi và đáp ngắn gọn những vấn đề cần tham khảo.  ***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***  - GV dặn dò HS tự làm ở nhà, báo cáo kết quả làm việc vào tuần học tiếp theo.  **Bước 4:** Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs. |
|  |
|  |

**Ngày soạn: 15 /9/2024**

**Dạy ngày: 13,19 /9/2024**

**Tiết 4,5: BÀI 2 - ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ – XÃ HỘI CHÂU ÂU**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hóa ở châu Âu.

**2. Năng lực:**

*Năng lực chung:*

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.

- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

## *Năng lực Địa Lí:*

## **-** Đọc được biểu đồ quy mô dân số, tỉ lệ nam và nữ trong tổng số dân ở châu Âu.

## - Trình bày được đặc điếm của cơ cấu dân cư châu Âu.

- Trình bày được đặc điểm di cư và đô thị hoá ở châu Âu.

- Xác định trên bản đồ một số đô thị lớn ở châu Âu.

**3. Phẩm chất:**

- Tôn trọng sự khác biệt về đặc điếm dân cư ở châu Âu.

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống.

- Có hoạt động, hình ảnh một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bản đồ tỉ lệ dân đô thị và một số đô thị ở châu Âu năm 2020

- Các biểu đồ, bảng số liệu về dân cư châu Âu

- Hình ảnh, video về dân cư đô thị ở châu Âu

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Sách giáo khoa, vở ghi.

- Hoàn thành phiếu bài tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 4:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

**b) Nội dung:**

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

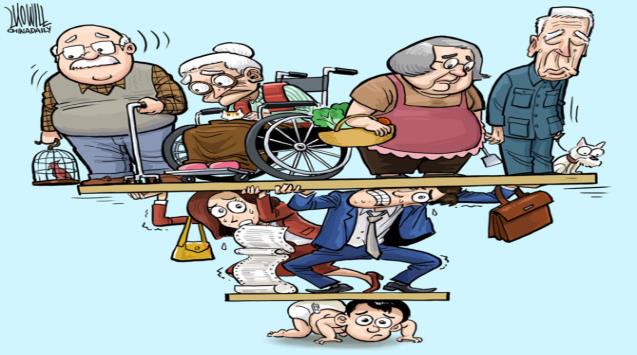
**c) Sản phẩm:**

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm.Phổ biến trò chơi **“Đoán tên tranh”:**

GVcho HS xem hình ảnh sau, yêu cầu các nhóm thảo luận trong 1 phút, đặt tên cho bức tranh sau đó giải thích



**Bước 2:** Hs thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3:** Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

**Bước 4:** Gv dẫn dắt vào bài. *Như vậy, trong bức tranh trên, các em có thể thấy người già nhiều hơn người trẻ và chỉ có ít người trẻ nhưng phải gồng gánh khá nhiều người già. Đây là một bức tranh biếm họa về già hóa dân số. tình trạng này thường xảy ra chủ yếu ở các nước phát triển, đặc biệt là châu Âu. Để biết rõ hơn về dân cư-xã hội châu Âu thì các em sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1. Đặc điểm dân cư châu Âu**

*a) Mục tiêu:*

- Trình bày được đặc điểm cơ cấu dân cư ở Châu Âu.

- Phân tích được biểu đồ, bảng số liệu về dân cư.

*b) Nội dung:*

HS đọc thông tin khai thác biểu đồ 2.1, 2.2 và bảng số liệu trong mục 1. Hãy nêu đặc điểm dân cư ở Châu Âu

*c) Sản phẩm:*

- Năm 2020 số dân của châu Âu khoảng 747,6 triệu người (bao gồm cả số dân Liên bang Nga) chiếm 10% dân số thế giới và đứng thứ tư trong các châu lục (sau châu Á, châu Phi, châu Mỹ). Hiện nay quy mô dân số châu Âu tăng chậm.

- Tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Âu rất thấp.

- Châu Âu có cơ cấu dân số già. Tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên ngày càng tăng (chiếm 19% năm 2020). Do tỉ lệ sinh ngày càng giảm và tuổi thọ của dân cư tăng.

- Các quốc gia ở châu Âu có tình trạng mất cân bằng giới tính với số nữ nhiều hơn số nam.

- Dân cư châu Âu có trình độ học vấn cao tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước ở châu Âu, năm 2020 số năm đi học bình quân của người trên 25 tuổi ở châu Âu là 11,85, thuộc hàng cao nhất thế giới.

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1**: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin ghi lại một số ý chính về đặc điểm dân cư xã hội của châu Âu.  **Bước 2:** học sinh làm việc cá nhân hoặc cặp đôi đọc thông tin trong mục và khai thác hình 2.1, 2.2 và bảng số liệu dân cư châu Âu trong mục 1 để thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.  **Bước 4:** Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập của học sinh | **1. Đặc điểm về dân cư**  **a. Quy mô và gia tăng dân số**  - Số dân châu Âu năm 2020 là 747,6 triệu người đứng thứ tư thế giới.  **b. Cơ cấu dân số**  - Châu Âu có cơ cấu dân số già.  - Châu Âu có tình trạng mất cân bằng giới tính.  - Dân cư châu Âu có trình độ học vấn cao |

**Hoạt động 2 Di cư ở châu Âu**

*a) Mục tiêu:*

- Trình bày được vấn đề di dân ở châu Âu.

*b) Nội dung:*

- Đọc thông tin trong mục 2, hoàn thành phiếu học tập về đặc điểm di cư ở châu Âu.

**PHIẾU HỌC TẬP**

1. Di cư ở châu Âu diễn ra từ lâu trong lịch sử và trở nên phổ biến từ thế kỉ ………… do ……………… và ………..
2. Hiện nay, châu Âu có………lớn nhất thế giới.
3. Nhập cư đến châu Âu chủ yếu là lao đông từ ……….. và …….. Ở châu Âu, lao động di chuyến từ …… đến Tây Âu.
4. Thuận lợi và khó khăn của người nhập cư ở châu Âu:

- Thuận lợi: ………………………

- Khó khăn: …………………………….

*c) Sản phẩm:*

1. Di cư ở châu Âu diễn ra từ lâu trong lịch sử và trở nên phổ biến từ giưa thế kỉ XX do các cuộc phát kiến địa lí và tìm kiếm việc làm.
2. Hiện nay, châu Âu có người nhập cư lớn nhất thế giới.
3. Nhập cư đến châu Âu chủ yếu là lao đông từ châu Á và Bắc Phi. Ở châu Âu, lao động di chuyến từ Nam Âu và Đông Âu đến Tây Âu.
4. Thuận lợi và khó khăn của người nhập cư ở châu Âu:

- Thuận lợi: Giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động, tăng nhu cầu các sản phẩm và dịch vụ.

- Khó khăn: Việc nhập cư trái phép gây ra nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội và -

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1:** Giáo viên cho học sinh làm việc với thông tin trong mục để hoàn thành phiếu học tập về vấn đề di cư của châu Âu.  **Bước 2:** Học sinh làm việc với thông tin để thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3:** Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập và chuẩn hóa kiến thức.  + Giáo viên giải thích ngắn gọn thuật ngữ di cư, di cư quốc tế và di cư nội địa.  (GV có thể cho HS xem 1 số hình ảnh/video về vấn đề người Việt Nam di cư qua châu Âu)  - Có hoạt động, hình ảnh một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật. | **2. Di cư ở châu Âu**   * Di cư ở châu Âu diễn ra từ lâu trong lịch sử và trở nên phổ biến từ giữa thế kỉ XX do các cuộc phát kiến địa lí và tìm kiếm việc làm. * Hiện nay, châu Âu có người nhập cư lớn nhất thế giới. * Nhập cư đến châu Âu chủ yếu là lao động từ châu Á và Bắc Phi. Ở châu Âu, lao động di chuyến từ Nam Âu và Đông Âu đến Tây Âu. |

**Tiết 5:**

**Hoạt động 3. Đô thị hóa**

*a) Mục tiêu:*

- Trình bày đặc điểm đô thị hóa ở Châu Âu .

- Đọc được bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở châu Âu năm 2020.

*b) Nội dung:*

- GV chia hs thành 4 nhóm và yêu cầu các em dưa vào thông tin trong bài để hoàn thành phiếu học tập sau:

**PHIẾU HỌC TẬP**

1. Xác định trên hình 2.3:

- Các vùng có mật độ dân số cao (trên 100 người/km2).

- Các vùng có mật độ dân số thấp (dưới 25 người/km2).

- Kể tên một số đô thị có quy mô trên 10 triệu dân.

2. Đặc điếm đô thị hoá ở châu Âu:

- Đô thị hoá bắt đầu từ thời ………… và phát triển mạnh trong ………….

- Đô thị hoá không ngừng gia tăng ………. và hình thành nhiều...................

- Mức độ đô thị hoá cao với ……………….., nhất là ở Tây Âu.

- Mạng lưới đô thị phát triển rộng khắp với ……….. xuất hiện nhiều ………………, đô thị hoá ở nông thôn ngày càng ………….....

* Lối sống đô thị………….. ở châu Âu.

*c) Sản phẩm:*Câu trả lời của học sinh

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1:** Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm đọc thông tin trong sách giáo khoa và phân tích bản đồ hình 1 để trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập  **Bước 2:** Học sinh làm việc với thông tin và bản đồ để thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.  **Bước 4**: Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập của học sinh.  Giáo viên cung cấp cho học sinh một số hình ảnh về các đô thị cụm đô thị đô thị vệ tinh ở châu Âu.  Thủ đô Pari (Pháp) 13 triệu người  Thủ đô Mat-xcơ-va (Nga) 12,3 triệu người  Thủ đô Luân Đôn ( Anh) 8.6 triệu người  Thành phố Xanh pê-tec-bua 5,5 triệu | **2.Đô thị hóa ở châu Âu**  - Đặc điểm đô thị hóa ở châu Âu  + Có lịch sử đô thị hóa lâu đời từ thế kỷ XIX  + Quá trình đô thị hóa gắn liền với công nghiệp hóa.  + Ở các vùng công nghiệp lâu đời nhiều đô thị mở rộng và nối liền với nhau tạo thành dải đô thị, cụm đô thị xuyên biên giới.  + Đô thị hóa nông thôn phát triển nhanh tạo nên các đô thị vệ tinh.  - Các đô thị lớn từ 5 triệu dân trở lên ở châu Âu: Pa-ris, Mat-xcơ-va, Luân Đôn, Xanh pê-tec-bua, Ma-đrit, Bác -xê-lô-na. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

*a) Mục tiêu:*

- Rèn luyện kĩ năng đọc, phân tích bản đồ, hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ.

- Củng cố kiến thức về đặc điểm dân cư của châu Âu.

*b) Nội dung:*

- Dựa vào hình 2.3 trang 104, hãy liệt kê ít nhất 3 thành phố của châu Âu nằm ở ven biển.

- Vẽ sơ đồ hệ thống hoá các đặc điểm dân cư châu Âu.

*c) Sản phẩm:*

- Học sinh liệt kê được một số thành phố của châu Âu nằm ở ven biển.

- Học sinh vẽ được sơ đồ hệ thống hóa kiến thức đặc điểm dân cư châu Âu.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1:** + Giáo viên tổ chức cho các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 1 và yêu cầu các em dựa vào thông tin trong bài để hoàn thành nhiệm vụ học

**Bước 2:** Học sinh thảo luận làm việc theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3**: Học sinh/Nhóm trình bày kết quả làm việc. Các học sinh khác lắng nghe, bổ sung.

**Bước 4**: Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập và chuẩn hóa kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

*a) Mục tiêu:*

- Sưu tầm thông tin và một số hình ảnh về sự phát triển của các đô thị ở châu Âu.

- Rèn luyện năng lực tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề.

*b) Nội dung:*

- Tìm hiểu thông tin và một số hình ảnh về sự phát triển của các đô thị ở châu Âu.

*c) Sản phẩm:*

- Học sinh tìm kiếm thông tin về thông tin và một số hình ảnh về sự phát triển của các đô thị ở châu Âu, sau đó ghi lại những nội dung tìm hiểu được thành một bài báo cáo chia sẻ với cả lớp và GV.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1**: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà tìm hiểu, thu thập thông tin từ internet và một số hình ảnh về sự phát triển của các đô thị ở châu Âu.

**Bước 2:** Giáo viên yêu cầu HS báo cáo kết quả làm việc vào đầu giờ học sau.

**Bước 3**: HS về nhà tìm kiếm thông tin để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 4:** Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập và chuẩn hóa kiến thức vào tiết sau.

**Ngày soạn: 22/9/2024**

**Dạy ngày: 20,26/9/2024**

**TIẾT 6,7**

**BÀI 3:** **PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU**

Thời gian thực hiện:(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

## 1. Kiến thức

- Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.

## 2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lý về môi trường ở châu Âu.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận

- Năng lực Địa lí:

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí: rèn luyện cho học sinh kĩ năng phân tích các mối liên hệ (tương hỗ, nhân quả) giữa các hiện tượng, quá trình liên quan đến môi trường ở châu Âu.

+ Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ của địa lí học như bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh,... tìm tòi; tăng cường khai thác Internet trong học tập….

## 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ và có trách nhiệm tham gia học tập, làm các bài tập, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhóm và tự học tích cực.

- Yên thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường.

-Có hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam

# **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

# 1.Chuẩn bị của giáo viên

- Các phiếu học tập.

- Bảng nhóm, bút lông, giấy A0, bút màu (chuẩn bị cho HS).

- Hình ảnh, video về khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu.

# 2.Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa, vở ghi.

- Giấy note làm bài tập trên lớp.

- Bút màu, giấy A0.

# **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1 Mở đầu**

*a. Mục tiêu*

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

*b. Nội dung*

- Đưa học sinh vào tình huống có vấn đề để các em tìm ra câu trả lời, sau đó giáo viên kết nối vào bài học.

*c. Sản phẩm*

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện*

**Bước 1**: Giao nhiệm vụ:

- Quan sát đoạn video dưới đây https://www.youtube.com/watch?v=QkmO8Se-r-E, em hãy cho biết nội dung chính của đoạn video? Nguyên nhân của thực trạng đó?

**Bước 2**: HS tiến hành hoạt động

**Bước 3**: HS trả lời câu hỏi:

**Bước 4**: GV chuẩn kiến thức và kết nối vào bài mới.

*Trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, các quốc gia châu Âu phải đối mặt với nhiều vấn đề về môi trường. Thực trạng khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu đang diễn ra như thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.*

**2. Hoạt động 2 Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1 Bảo vệ môi trường nước, không khí**

*a. Mục tiêu*

- Trình bày vấn đề bảo vệ môi trường nước, không khí ở Châu Âu.

*b. Nội dung*

- Trình bày vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu: nguyên nhân ô nhiễm môi trường và đề ra giải pháp bảo vệ môi trường.

*c. Sản phẩm*

- Câu trả lời của học sinh

- Thông tin phản hồi phiếu học tập

## *d. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1:** GV cho HS quan ảnh trong mục a và Video. Yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi/nhóm 4, thời gian 4 phút:  **\*Nhiệm vụ 1:** Dựa vào hình 3.1 và thông tin mục 1, em hãy trình bày thực trạng khai thác và bảo vệ môi trường nước ở châu Âu.  **\*Nhiệm vụ 2:** Quan sát hình 3.3 và dựa vào thông tin trong bài, thảo luận nhóm:  - Nhận xét sự thay đổi tỉ lệ một số chất gây ô nhiễm không khí ở châu Âu năm 2019 so với năm 2005. Giải thích vì sao có sự thay đổi đó?  - Nêu các biện pháp bảo vệ môi trường không khí ở châu Âu.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân/ nhóm 4.  **Bước 3:** HS hoàn thành, GV chọn nhóm nhanh nhất báo cáo, các nhóm còn lại nhận xét bổ sung.  **Bước 4:** GV sửa bài, nhận xét và cho HS xem 1 số hình ảnh về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (không khí, nước) và một số giải pháp bảo vệ môi trường ở châu Âu  **Bước 5:** GV chuẩn xác và chốt nội dung. | **1. Bảo vệ môi trường nước:**  - Nguyên nhân ô nhiễm: chất thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt.  - Giải pháp:  + Ban hành các quy định về nước, nước thải đô thị, nước uống để kiểm soát chất lượng.  + Đổi mới công nghệ trong xử lý nước thải.  + Giảm sử dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp.  + Nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường nước,…  **2. Bảo vệ môi trường không khí:**  - Nguyên nhân ô nhiễm: hoạt động sản xuất công nghiệp, tiêu thụ năng lượng, vận tải đường bộ.  - Giải pháp:  + Giảm sử dụng than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,… trong sản xuất điện.  + Làm sạch khí thải nhà máy điện và các nhà máy công nghiệp.  + Xây dựng các khu phát thải thấp ở các thành phố,...  + Phát triển nông nghiệp sinh thái  + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để kiểm soát lượng không khí. |

**Hoạt động 2 Bảo vệ đa đạng sinh học**

*a. Mục tiêu*

- Trình bày vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu.

*b. Nội dung*

**-** Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục 3, hãy trình bày vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu.  
*c. Sản phẩm*

- Câu trả lời của học sinh

*d. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh  -GV cho HS đọc thông tin mục 2 và bảng số liệu. Yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi/ thời gian 3 phút:  Vai trò của đa dạng sinh học.  Nguyên nhân của suy giảm đa dạng sinh học.  Hậu quả (tác hại) của suy giảm đa dạng sinh học.  Giải pháp bảo vệ đa dạng sinh học*.*  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.  **Bước 3:** Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả  - Gọi HS báo cáo, các HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  Có hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam | 3. Bảo vệ đa dạng sinh học  - Nguyên nhân: Hoạt động khai thác quá mức tài nguyên, vấn đề ô nhiễm không khí, nước, biến đổi khí hậu,… đã làm suy giảm đa dạng sinh học ở châu Âu.  - Biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học:  + Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên.  + Áp dụng các quy định rất nghiêm ngặt trong đánh bắt thủy sản.  + Trồng rừng, xây dựng vành đai xanh quanh đô thị,…  - Nhờ các biện pháp bảo vệ nên các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước được bảo tồn tương đối tốt. |

**3. Hoạt động 3 Luyện tập**

## *a) Mục tiêu:*

- Củng cố và khắc sâu kiến thức của bài thông qua trò chơi: “Ai nhanh hơn?”.

*b) Nội dung:* HS được yêu cầu tham trò chơi: “Ai nhanh hơn?”. Nội dung về khai thác sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Âu.

*c) Sản phẩm:*

- Đáp án ghi trên giấy note của HS.

- Câu trả lời miệng của HS.

## *d) Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ HS được yêu cầu tham trò chơi: “Ai nhanh hơn?”. Nội dung về khai thác sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Âu.

+ Trò chơi: “Ai nhanh hơn?”.

Hoạt động: Cá nhân.

Chuẩn bị giấy note bút.

GV đọc câu hỏi, HS giơ tay trả lời.

HS giơ tay nhanh nhất, trả lời. Nếu đúng thì được điểm cộng, sai thì bạn khác giành quyền trả lời.

|  |  |
| --- | --- |
| **CÂU HỎI** | **ĐÁP ÁN** |
| Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở châu Âu? | Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiêu thụ năng lượng, vận tải đường bộ. |
| Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước ở châu Âu? | Chất thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt. |
| Kể tên các nguồn năng lượng sạch? | Năng lượng từ Mặt Trời, gió, nước. |
| Giải thích vì sao nước Anh được mệnh danh là “Xứ sở sương mù”? | + Do dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương và gió tây ôn đới => khí hậu phía tây ấm áp, mưa nhiều >>> Độ ẩm cao, sương mù nhiều.  + Hiện nay, sương khói do ô nhiễm không khí.  + Sở dĩ nước Anh có biệt danh này không phải đến từ việc có nhiều sương mù hay do tác động của thời tiết mà chính là bởi nền công nghiệp của nước này quá tiên tiến, kéo theo việc môi trường chìm trong ô nhiễm, khói bụi mù mịt trông giống sương mù. |

**Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm việc theo yêu cầu.

**Bước 3 Báo cáo, thảo luận:**

+ Khi HS giơ tay nhanh nhất trả lời, GV hỏi các bạn khác nhận xét, nếu đúng thì được điểm cộng. Nếu sai thì bạn khác giành quyền trả lời.

**Bước 4 Kết luận, nhận định:**

+ GV khen ngợi phần trình bày của HS.

+ GV đưa ra kết luận, chuẩn kiến thức.

**4. Hoạt động 4 Vận dụng**

*a. Mục tiêu*- HS vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề.

*b. Nội dung hoạt động*- Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập.

*c. Tổ chức hoạt động*

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

Tìm hiểu về việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở một quốc gia châu Âu.

+ 1 bài báo/ đoạn văn ngắn ; video ngắn.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS hỏi và đáp ngắn gọn những vấn đế cần tham khảo.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- GV dặn dò HS tự làm ở nhà, báo cáo kết quả làm việc vào tuần học tiếp theo.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

**Ngày soạn: 26/9/2024**

**Dạy ngày: 27/9/2024**

**TIẾT 8- BÀI 4 LIÊN MINH CHÂU ÂU**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Xác định được các nước trong khối liên minh châu Âu.

- Mô tả được quá trình mở rộng của liên minh châu Âu qua từng giai đoạn.

- Nêu được dẫn chứng về liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực quản lí, năng lực giao tiếp, năng lực truyền thông, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**- Năng lực Địa lí:**

+ Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ.

+ Năng lực sử dụng bản đồ.

+ Năng lực sử dụng tranh ảnh địa lý.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.

- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau. Yêu thương con người.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm). Có ý thức về vấn đề dân số.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Hình ảnh liên quan

- Trò chơi “đuổi hình bắt chữ”.

- Bản đồ các thành viên của liên minh châu Âu.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1 Mở đầu**

*a. Mục tiêu:*

- Gây hứng thú cho HS trước bài mới.

- HS có thể liên hệ được kiến thức của bài mới.

*b. Nội dung:*

- Trò chơi đuổi hình bắt chữ

*c. Sản phẩm*

**-** Câu trả lời cá nhân/nhóm của học sinh.

*d. Cách thức tổ chức*

**- Bước 1:** GV phổ biến trò chơi ***“đuổi hình bắt chữ”****:* Dựa vào các hình ảnh gợi ý của GV đưa ra, HS sẽ đoán cụm từ hoặc từ có ý nghĩa liên quan tới hình ảnh ấy. HS có 15 giây suy nghĩ và trả lời.

**- Bước 2:** HS đoán từ khóa.

**- Bước 3:** GV chuẩn xác và khéo léo dẫn dắt vào bài: *Liên minh châu Âu, viết tắt là EU, là liên minh kinh tế – chính trị bao gồm 27 quốc gia thành viên thuộc châu Âu. Để tìm hiểu rõ hơn về EU thì các em sẽ đi vào bài học hôm nay.*

**2. Hoạt động 2 Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1 Khái quát về Liên minh châu Âu**

*a. Mục tiêu*

- Xác định được các nước trong khối liên minh châu Âu (EU).

- Xác định được các nước thánh viên của Liên minh châu Âu trên bản đổ.

*b. Nội dung*

- Hoàn thiện nội sung phiếu học tập

- Đọc thông tin trong mục và quan sát hình 1, hãy kể tên các nước thành viên của EU.

*c. Sản phẩm*

- Câu trả lời của học sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **Liên minh châu Âu EU** | |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** |
| Câu 1: Tổ chức tiền thân của Liên minh châu Âu? | Cộng đồng kinh tế châu Âu (1957) |
| Câu 2: Liên minh châu Âu được thành lập vào thời gian nào? | 01/11/1993 |
| Câu 3: Trụ sở chính của tổ chức ở đâu? | Bruc-xen (Bỉ) |
| Câu 4: Tại sao nói Liên minh châu Âu là mô hình liên minh kinh tế toàn diện? | Có chính sách kinh tế chung, sử dụng đồng tiền chung euro. |
| Câu 5: Hiện nay có bao nhiêu nước thành viên? | 27 nước thành viên |

*d. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **- Bước 1:** GV giao nhiệm vụ học tập cho học sinh  **\*Nhiệm vụ 1: THỬ TÀI HIỂU BIẾT**  - Quan sát hình và cho biết tên gọi của đồng tiền này?    **Nhiệm vụ 2:** HS có thời gian 2 phút đọc thông tin mục 2, sau đó gấp sách vở và tham gia trò chơi “hỏi nhanh đáp gọn”   |  | | --- | | Câu 1: Tổ chức tiền thân của Liên minh châu Âu? | | Câu 2: Liên minh châu Âu được thành lập vào thời gian nào? | | Câu 3: Trụ sở chính của tổ chức ở đâu? | | Câu 4: Tại sao nói Liên minh châu Âu là mô hình liên minh kinh tế toàn diện? | | Câu 5: Hiện nay có bao nhiêu nước thành viên? |   **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ nhóm.  - Các nhóm thảo luận, thống nhất nội dung báo cáo.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS trả lời câu hỏi.  - Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức | **1. Khái quát về Liên minh châu Âu**  -Thành lập: 1/11/1993  - Diện tích: 4.2 triệu km2  - Số dân: 447,7 triệu người (2020)  - Số quốc gia thành viên: 27 (2020) |

**Hoạt động 2: Trung tâm kinh tế**

*a. Mục tiêu*

- Nhận xét, đánh giá được Liên minh châu Âu là một trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

*b. Nội dung*

**-** Nêu dẫn chứng để thấy EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới

*c. Sản phẩm*- Câu trả lời của học sinh

*d. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1**: GV giao nhiệm vụ cho HS:  -Nêu tên những hoạt động kinh tế quan trọng của Liên minh châu Âu?  - Dựa vào thông tin và bảng số liệu, chứng minh liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới  **GDP CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ LỚN NHẤT THẾ GIỚI, NĂM 2020**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nền ktế** | **Hoa Kỳ** | **EU** | **Trung Quốc** | **Nhật Bản** | **Thế giới** | | GDP (tỉ USD, giá hiện hành) | 20 893,7 | 15 292,1 | 14 722,7 | 5 057,8 | 84 679,9 |   **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận cặp đôi/thời gian 2-3 phút.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.  **Bước 3:** Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả  - Gọi HS báo cáo, các HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức | **2. Trung tâm kinh tế**  - Liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới:  + Năm 2020, GDP đạt hơn 15 nghìn tỉ USD (xếp thứ 2 thế giới).  + Trung tâm dịch vụ và công nghiệp hàng đầu thế giới.  - EU có 3/7 nước công nghiệp hàng đầu thế giới  - Là đối tác kinh tế lớn nhất. |

**3. Hoạt động 3 Luyện tập**

*a. Mục tiêu* - Vẽ được biểu đồ hình tròn thể hiện GDP của EU trong tổng GDP của thế giới.  
*b. Nội dung* - Tính tỉ trọng GDP

*c. Sản phẩm*

- Tỉ trọng GDP của các trung tâm kinh tế lớn so với toàn thế giới năm 2020:

+ Hoa Kỳ: 24,7%

+ Liên minh châu Âu: 18,1%

+ Trung Quốc: 17,4%

+ Nhật Bản: 5,9%

- Nhận xét:

+ Bốn trung tâm kinh tế lớn chiếm khoảng 2/3 trong tổng GDP của thế giới (66,1%).

+ Trong đó, Hoa Kỳ là trung tâm kinh tế chiếm tỉ trọng GDP nhiều nhất trong 4 trung tâm (24,7%), tiếp đến là Liên minh châu Âu (18,1%), Trung Quốc (17,4%) và Nhật Bản (5,9%).

*d. Tổ chức thực hiện*

**Bước 1:** - GV giao nhiệm vụ cho HS: Dựa vào bảng GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020, em hãy tính tỉ trọng GDP của các trung tâm kinh tế lớn so với toàn thế giới năm 2020 và rút ra nhận xét.

**GDP CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ LỚN NHẤT THẾ GIỚI, NĂM 2020**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nền kinh tế** | **Hoa Kỳ** | **EU** | **Trung Quốc** | **Nhật Bản** | **Thế giới** |
| GDP (tỉ USD, giá hiện hành) | 20 893,7 | 15 292,1 | 14 722,7 | 5 057,8 | 84 679,9 |

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS cách tính:

+ Công thức tính tỉ trọng GDP của các trung tâm kinh tế lớn so với toàn thế giới:

Ví dụ Hoa Kỳ = GDP Hoa Kỳ : GDP thế giới x 100.

**Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc

- Gọi 1 học sinh thực hành trên bảng.các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

**4. Hoạt động vận dụng, mở rộng**

*a. Mục tiêu-* Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

*b. Nội dung*

-Tìm kiếm thông tin để mở rộng kiến thức về mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU.

-Rèn luyện năng lực tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề.

*c. Sản phẩm*

- HS thu thập, tổng hợp thông tin và ghi lại thành mộí bản báo cáo để chia sẻ với cả lớp và GV.

*d. Cách thức tổ chức*

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ (Chuẩn bị trước tiết học)  Tìm kiếm thông tin về mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam – EU?  **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc.  **Bước 4:** Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs. |  |

**Ngày soạn: 1/10/2024**

**Dạy ngày: 3,4,10/10/2024**

**TIẾT 9, 10,11 CHƯƠNG 2. CHÂU Á**

**Bài 5. THIÊN NHIÊN CHÂU Á**

Thời gan thực hiện (3 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.

– Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

– Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.

**2. Năng lực**

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Á.

- Trình bày được một trong những đặc điểm của thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Xác định được các khu vực địa hình và khoáng sản chính ở châu Á.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, vượt khó để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Sẵn sáng giúp đỡ các bạn cùng thực hiện nhiệm vụ học tập, viết báo cáo,…

-Có hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phiếu học tập.

- Tranh ảnh về cảnh quan tự nhiên châu Á.

- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

-Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7

-Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1. Khởi động**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế cho học sinh chuẩn bị bước vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề của bài học.

**b. Nội dung:** GV chiếu cho HS xem video giới thiệu về thiên nhiên châu Á (https://www.youtube.com/watch?v=c9kNm2FhBt8)

**c. Sản phẩm**Câu trả lời của nhóm Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Quan sát hình ảnh và trả lời các câu hỏi sau

1. Đoạn video nói về châu lục nào?
2. Em hãy trình bày một vài thông tin em biết về châu lục này?

***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV: Định hướng giúp học sinh quan sát tranh ảnh và lựa chọn thông tin phù hợp để trả lời câu hỏi

Hs: Tập trung quan sát – phân tích tranh ảnh, thu thập thông tin, trả lời câu hỏi GV đã giao.

**B3: *Báo cáo thảo luận***

**GV**:- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

***B4: Kết luận, nhận định.***

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chuẩn xác kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1: Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á** | |
| **a. Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  **b. Nội dung:**Hs: Quan sát bản đồ (hình 5.1), đọc tài liệu SGK/111 để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác bản đồ (hình 5.1), đọc tài liệu SGK/111 để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới. (*GV sử dụng kĩ thuật “khăn trải bàn” để hướng dẫn hs thực hiện nhiệm vụ học tập của nhóm/ bàn mình)*  **c. Sản phẩm: *Câu trả lời của học sinh***  1. Đặc điểm vị trí địa lí châu Á:  + Trên đất liền lãnh thổ kéo dài từ vùng cận cực Bắc tới Xích đạo, một số đảo và quần đảo kéo dài tới vĩ tuyến 10⁰N  + Tiếp giáp: Phía tây giáp châu Âu;  Phía tây nam giáp châu Phi qua eo đất Xuy-ê;  Phía bắc giáp Bắc Băng Dương;  Phía đông giáp Thái Bình Dương;  Phía nam giáp Ấn Độ Dương.  2. Đặc điểm hình dạng, kích thước châu Á:  + Hình dạng: dạng hình khối rộng lớn, bờ biển bị chia cắt mạnh, có nhiều bán đảo, vịnh biển…  + Kích thước: rộng lớn nhất thế giới với diện tích đất liền là 41,5 triệu km2 (diện tích khoảng 44 triệu km2 bao gồm các đảo và quần đảo)  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Quan sát bản đồ (hình 5.1), đọc tài liệu SGK/111, em hãy:  1. Trình bày đặc điểm vị trí địa lí châu Á.  2. Nêu đặc điểm hình dạng và kích thước châu Á.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  *(GV sử dụng kĩ thuật “khăn trải bàn” để hướng dẫn hs thực hiện nhiệm vụ học tập của nhóm/ bàn mình)*  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.  - Có hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam | **1.Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á**  **a. Vị trí địa lí:**  - Trên đất liền lãnh thổ kéo dài từ vùng cận cực Bắc tới Xích đạo, một số đảo và quần đảo kéo dài tới vĩ tuyến 10⁰N  -Tiếp giáp: Phía tây giáp châu Âu;  +Phía tây nam giáp châu Phi qua eo đất Xuy-ê;  +Phía bắc giáp Bắc Băng Dương;  +Phía đông giáp Thái Bình Dương;  +Phía nam giáp Ấn Độ Dương.  **b. Hình dạng, kích thước:**  - Hình dạng: dạng hình khối rộng lớn, bờ biển bị chia cắt mạnh, có nhiều bán đảo, vịnh biển…  - Kích thước: rộng lớn nhất thế giới với diện tích đất liền là 41,5 triệu km2 (diện tích khoảng 44 triệu km2 bao gồm các đảo và quần đảo) |
| **Hoạt động 2: Đặc điểm tự nhiên châu Á** | |
| **a. Mục tiêu:**  -Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  -Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.  **b. Nội dung:**Hs: Quan sát bản đồ (hình 5.1, và hình 5.2 ), đọc tài liệu SGK/113, 115 để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác bản đồ (hình 5.1, hình 5.2), đọc tài liệu SGK/113, 115 để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới. (GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh để hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình)  **c. Sản phẩm: *Dự kiến sản phẩm của học sinh***  **Nhiệm vụ 1.**  1. Châu Á có 2 khu vực địa hình chính:  + Khu vực núi, cao nguyên và sơn nguyên.  + Khu vực đồng bằng.  2. Khu vực phân bố khoáng sản chính ở châu Á:  + Dầu mỏ: Tây Á, Đông Nam Á.  + Than: CN. Trung Xi-bia và khu vực Đông Á.  + Sắt: Đông Á và Nam Á.  3. Ý nghĩa của đặc điểm địa hình, khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên:  + Địa hình núi, cao nguyên, sơn nguyên với ¾ diện tích lãnh thổ thuận lợi phát triển chăn nuôi du mục, trồng cây đặc sản; nhưng khai thác cần chú ý chống xói mòn, sạt lở đất,...  + Đồng bằng thuận lợi cho sản xuất và định cư.  + Tài nguyên khoáng sản phong phú có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trong châu lục; nhưng trong quá trình khai thác khoáng sản cần chú ý bảo vệ, sử dụng tiết kiệm hiệu quả, hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường.  **Nhiệm vụ 2**  1.Kể tên các đới và kiểu khí hậu ở châu Á   |  |  | | --- | --- | | **Đới khí hậu** | **Kiểu khí hậu** | | Đới khí hậu cực và cận cực |  | | Đới khí hậu ôn đới | - Ôn đới lục địa  - Ôn đới gió mùa  - Ôn đới hải dương | | Đới khí hậu cận nhiệt | - Cận nhiệt địa trung hải  - Cận nhiệt lục địa  - Cận nhiệt gió mùa  - Núi cao | | Đới khí hậu nhiệt đới | - Nhiệt đới khô  - Nhiệt đới gió mùa | | Đới khí hậu xích đạo và cận xích đạo |  |   2.Sự phân bố khí hậu châu Á  - Khí hậu châu Á phân hóa đa dạng thành nhiều đới. Mỗi đới khí hậu gồm nhiều kiểu, có sự khác biệt lớn về nhiệt độ, gió, lượng mưa.  - Phổ biến là kiểu khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa.  **Nhiệm vụ 3**  1. Một số sông và hồ lớn ở châu Á:  + Sông lớn: Ô-bi, Hoàng Hà, Trường Giang, Mê Công, Ấn, Hằng,...  + Hồ lớn: Ca-xpi, Bai-can, A-ran, Ban-khat,...  2. Đặc điểm sông ngòi châu Á:  + Nhiều hệ thống sông lớn bậc nhất thế giới nhưng phân bố không đều.  Các khu vực mưa nhiều (Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á): sông có lượng nước lớn, mùa lũ tương ứng mùa mưa, mùa cạn tương ứng mùa khô.  Các khu vực khô hạn (Tây Nam Á, Trung Á): mạng lưới sông thưa thớt, nhiều nơi trong nội địa không có dòng chảy.  + Sông ngòi tạo điều kiện phát triển thủy điện, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, giao thông đường thủy…  + Vào mùa mưa thường có lũ, gây nhiều thiệt hại lớn.  3. Ý nghĩa của sông, hồ đối với việc bảo vệ tự nhiên:  + Sông cung cấp nước cho cây sinh trưởng và phát triển;  + Hồ giúp điều hòa không khí, tạo phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp và là nơi cư trú của nhiều loài sinh vật.  **Nhiệm vụ 4**  1. Sự phân hóa các đới thiên nhiên châu Á (3 đới thiên nhiên):  ***Đới lạnh:***  + Phân bố: phía bắc châu lục.  + Thời tiết khắc nghiệt và có gió mạnh.  + Thực vật: phổ biến hoang mạc cực, đồng rêu và đồng rêu rừng.  + Động vật: các loài chịu lạnh, mùa hạ các loài chim di cư từ phương Nam lên.  ***Đới ôn hòa:***  + Chiếm diện tích lớn nhất.  + Khí hậu: càng vào sâu trong nội địa càng khô hạn.  + Thực vật: phân hóa từ rừng lá kim sang rừng lá rộng, thảo nguyên rừng và thảo nguyên.  ***Đới nóng***  + Chủ yếu có khí hậu gió mùa, xích đạo.  + Thực vật điển hình: rừng nhiệt đới; những nơi khuất gió hoặc khô hạn có rừng thưa, xavan, cây bụi và hoang mạc.  2. Việc khai thác và sử dụng các đới thiên nhiên cần chú ý vấn đề bảo vệ và phục hồi rừng nhằm bảo vệ môi trường.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Quan sát bản đồ (hình 5.1, hình 5.2), đọc tài liệu SGK/113, 115, em hãy :  **Nhiệm vụ 1**  1. Kể tên và xác định trên bản đồ các khu vực địa hình của châu Á.  2. Xác định khu vực phân bố khoáng sản chính ở châu Á.  3. Trình bày ý nghĩa của đặc điểm địa hình, khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Nhiệm vụ 2**  1. Kể tên các đới và kiểu khí hậu ở châu Á .  2. Cho biết khí hậu châu Á phân bố như thế nào? Kiểu khí hậu nào là phổ biến nhất?  **Nhiệm vụ 3**  1. Kể tên một số sông và hồ lớn ở châu Á  2. Trình bày đặc điểm sông ngòi châu Á.  3. Nêu ý nghĩa của sông, hồ đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Nhiệm vụ 4**  1. Trình bày sự phân hóa của các đới thiên nhiên châu Á  2. Cho biết việc khai thác và sử dụng các đới thiên nhiên cần chú ý vấn đề gì để bảo vệ môi trường.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  ***(GV sử dụng hoạt động nhóm và kĩ thuật phòng tranh để hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình, có thể giao 4 nhóm thực hiện từng nhiệm vụ hoặc mỗi nhóm 1 nhiệm vụ tùy vào thời lượng)***  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | **2.Đặc điểm tự nhiên châu Á**  ***a. Địa hình, khoáng sản***  - Châu Á có 2 khu vực địa hình chính:  + Khu vực núi, cao nguyên và sơn nguyên.  + Khu vực đồng bằng.  - Khu vực phân bố khoáng sản chính ở châu Á:  + Dầu mỏ: Tây Á, Đông Nam Á.  + Than: CN Trung Xi-bia và khu vực Đông Á.  + Sắt: Đông Á và Nam Á.  ***b.Khí hậu***  - Khí hậu châu Á phân hóa đa dạng thành nhiều đới. Mỗi đới khí hậu gồm nhiều kiểu, có sự khác biệt lớn về nhiệt độ, gió, lượng mưa.  - Phổ biến là kiểu khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa.  ***c.Sông ngòi và hồ***  - Nhiều hệ thống sông lớn bậc nhất thế giới nhưng phân bố không đều.  - Sông ngòi tạo điều kiện phát triển thủy điện, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, giao thông đường thủy…  - Vào mùa mưa thường có lũ, gây nhiều thiệt hại lớn.  ***d.Các đới thiên nhiên***  ***-Đới lạnh:***  + Phân bố: phía bắc châu lục.  + Thời tiết khắc nghiệt và có gió mạnh.  + Thực vật: phổ biến hoang mạc cực, đồng rêu và đồng rêu rừng.  + Động vật: các loài chịu lạnh, mùa hạ các loài chim di cư từ phương Nam lên.  ***-Đới ôn hòa:***  + Chiếm diện tích lớn nhất.  + Khí hậu: càng vào sâu trong nội địa càng khô hạn.  + Thực vật: phân hóa từ rừng lá kim sang rừng lá rộng, thảo nguyên rừng và thảo nguyên.  ***-Đới nóng***  + Chủ yếu có khí hậu gió mùa, xích đạo.  + Thực vật điển hình: rừng nhiệt đới; những nơi khuất gió hoặc khô hạn có rừng thưa, xavan, cây bụi và hoang mạc. |

**HĐ3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu biết về những đặc điểm tự nhiên châu Á

**b. Nội dung**

-Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập trắc nghiệm

-Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau

**Câu 1:** Châu Á có diện tích phần đất liền rộng khoảng

A. 40 triệu km2.   **B. 41,5 triệu km2.** C. 42,5 triệu km2.  D. 43,5 triệu km2.

**Câu 2:** Châu Á tiếp giáp với châu lục nào?

**A. Châu Âu, châu Phi.** B. Châu Đại Dương. C. Châu Mĩ. D. Châu Nam Cực.

**Câu 3:** Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm vị trí của châu Á?

A. Là một bộ phận của lục địa Á- Âu.

B. Kéo dài từ cực Bắc đến vùng Xích đạo.

**C. Đại bộ phận diện tích nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam.**

D. Tiếp giáp với 2 châu lục và 3 đại dương rộng lớn.

**Câu 4:** Tại sao khí hậu châu Á lại chia thành nhiều đới?

**A. Do lãnh thổ trải dải từ vùng cực bắc đến vùng Xích đạo.**

B. Do Lãnh thổ trải dài theo chiều kinh tuyết.

C. Do ảnh hưởng của các dãy núi.

D. Do châu Á giáp với nhiều đại dương lớn.

**Câu 5:** Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu nào?

**A. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.**

B. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

C. Các kiểu khí hậu hải dương và các kiểu khí hậu lục địa.

D. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hải dương.

**Câu 6:** Nam Á và Đông Nam Á nằm trong đới có khí hậu

**A. Gió mùa nhiệt đới.** B. Gió mùa cận nhiệt và ôn đới.

C. Cận nhiệt Địa Trung Hải. D. Ôn đới lục địa.

**Câu 7:** Việt Nam năm trong đới khí hậu nào?

A. Ôn đới. B. Cận nhiệt đới. **C. Nhiệt đới.** D. Xích đạo ẩm.

**Câu 8:** Những trở ngại chính trong việc giao lưu giữa các vùng ở châu Á là do

A. Địa hình núi cao hiểm trở. B. Hoang mạc rộng lớn.

C. Khí hậu giá lạnh khắc nghiệt. **D. Tất cả đều đúng.**

**Câu 9:** Rừng nhiệt đới ẩm ở châu Á phân bố ở đâu?

**A. Đông Nam Á và Nam Á** B. Nam Á và Đông Á

C. Đông Á và Đông Nam Á. D. Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á

**Câu 10:** Sông ngòi ở Đông Nam Á có đặc điểm

A. mạng lưới thưa thớt.                                    B. Nguồn cung cấp nước là do băng tan.

C. không có nhiều sông lớn.                             **D. Mạng lưới dày đặc, nhiều sông lớn.**

**c. Sản phẩm**

*\*Dự kiến sản phẩm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | B | A | C | A | A | A | C | D | A | D |

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành các bài tập trắc nghiệm sau đây (Chọn câu trả lời đúng nhất)

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Hs giơ tay nhanh nhất để trả lời câu hỏi

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Câu trả lời của HS

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

**HĐ4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để tìm tòi, mở rộng thêm kiến thức về thiên nhiên châu Á

**b. Nội dung:**

-Tìm tòi, mở rộng thêm kiến thức về thiên nhiên châu Á

-Trả lời câu hỏi bài tập 2 trong SGK/116

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành bài tập 2 trong SGK/116

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  
**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn  
**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn Hs chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo

**­­­­­­­­­­**

**Ngày soạn: 14/10/24**

**Dạy ngày: 11/10/24**

**TIẾT 12.**

**BÀI 6. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, khai thác số liệu

- Biết cách sử dụng bản đồ để xác định sự phân bố dân cư, các đô thị lớn ở châu Á

**2. Năng lực**

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực riêng:

+ Năng lực nhận thức địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí kinh tế- xã hội.

+ Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng công cụ địa lí ( bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh…)

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Có những hiểu biết trung thực, khách quan về đặc điểm dân cư, tôn giáo, sự phân bố dân cư, các đô thị lớn ở châu Á và ảnh hưởng của các yếu tố đó đến sản xuât và đời sống.

- Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu cá vấn đề xã hội

- Có tinh thần chung sống hòa bình, hợp tác và chia sẻ, tôn trọng nét khác biệt trong văn hóa, xã hội giữa các khu vực của châu Á.

-Có hoạt động, hình ảnh; một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- Bản đồ mật độ dân số và một số đô thị lớn ở châu Á, năm 2020

- Bảng số liệu, video, hình ảnh về dân cư của các đô thị lớn ở châu Á

- Phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Sách giáo khoa.

- Tranh, ảnh, tư liệu (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo kết nối giữa kiến thức của HS về dân cư, xã hội châu Á với bài học.

- Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới.

**b. Nội dung:**

Châu Á là nơi con người cư trú từ rất sớm, cũng là nơi có những nền văn minh cổ đại phát triển rực rỡ trong lịch sử. Với quá trình phát triển lâu đời, dân cư, xã hội châu Á ngày nay có những đặc điểm như thế nào?

? Nêu một số hiểu biết của em về dân cư, xã hội châu Á.

**c. Sản phẩm:**

- Sau khi trao đổi, HS tìm được đáp án cho câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:***? Các em có hiểu biết gì về dân số châu Á?***

- HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: Tiếp nhận nhiệm vụ và có 1 phút trả lời.

- GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

**- GV**:+ Gọi một vài HS lên trình bày.

+ Hướng dẫn HS trình bày (nếu các em còn gặp khó khăn).

**- HS**:+ Trả lời câu hỏi của GV.

+ HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới.

Châu Á là nơi con người cư trú từ rất sớm, cũng là nơi có những nền văn minh cổ đại phát triển rực rỡ trong lịch sử. Với quá trình phát triển lâu đời, dân cư, xã hội châu Á ngày nay có những đặc điểm như thế nào? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

1. **Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Đặc điểm dân cư**  **a. Mục tiêu:**  - Trình bày được đặc điểm quy mô và cơ cấu dân số; phân bố dân cư; các đô thị lớn  - Rèn kĩ năng phân tích bản đồ, khai thác số liệu  **b. Nội dung:**  - Dựa vào thông tin và bảng trong mục a, b,c hãy trình bày quy mô và cơ cấu dân số; phân bố dân cư; các đô thị lớn  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1:** Đọc thông tin và dựa vào bảng 6.1 trong mục a trình bày quy mô và cơ cấu dân sốvà thành phần chủng tộc.  **Nhiệm vụ 2:** Dựa vào hình 6.1 và thông tin trong bài trình bày sự phân bố dân cư châu Á  - Các khu vực đông dân và các khu vực thưa dân ở châu Á?  - Nhận xét và giải thích đặc điểm phân bố dân cư ở châu Á?  **Nhiệm vụ 3:** Dựa vào hình 6.1và thông tin SGK, em hãy cho biết:  + Xác định 10 đô thị đông dân nhất ở châu Á (không tính Liên bang Nga).  + Các đô thị lớn ở châu Á phân bố chủ yếu ở khu vực nào? Vì sao?  + Sau khi thảo luận xong, GV cho đại diện cặp đôi lên trà lời, HS khác có thể bổ sung.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**Thực hiện nhiệm vụ cá nhân/ cặp đôi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS: Trình bày kết quả  - GV: Lắng nghe, gọi HS khác nhận xét và bs  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  + GV Chuẩn kiến thức và ghi bảng | **1. Đặc điểm dân cư**  **a. Quy mô và cơ cấu dân số**  - Năm 2020 dân số châu Á là 4641,1 tỉ người  - Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm  - Châu Á có cơ cấu dân số trẻ  - Dân cư thuộc nhiều chủng tộc.  **b. Phân bố dân cư**  - Châu Á có mật độ dân số cao  - Dân cư phân bố không đồng đều  + Các khu vực đông dân: Đông Á,Nam Á, một phần khu vực ĐNÁ  + Các khu vực thưa dân: Bắc Á, khu vực núi cao ở trung tâm châu Á, bán đảo A-ráp  **c. Các đô thị lớn**  - Các đô thị lớn của châu Á thường tập trung ở khu vực ven biển do có điều kiện thuận lợi cho đời sống và sản xuất, trao đổi, buôn bán với các nước. |
| **HOẠT ĐỘNG 2 :Tôn giáo**  **a. Mục tiêu:**  - Trình bày được đặc điểm tôn giáo ở châu Á  - Rèn kĩ năng phân tích.  **b. Nội dung:**  - Dựa vào thông tin và bảng trong mục 2 hãy trình bày đặc điểm tôn giáo châu Á.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Đọc thông tin mục d trình bày đặc điểm tôn giáo châu Á?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân/ cặp đôi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS: Trình bày kết quả  - GV: Lắng nghe, gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  + GV Chuẩn kiến thức và ghi bảng  -Có hoạt động, hình ảnh; một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật. | **2. Tôn giáo ở châu Á**  **-** Châu Á là nơi ra đời của 4 tôn giáo lớn trên thế giới: Ấn Độ giáo, Phật giáo, Kitô giáo, Hồi giáo  - Tôn giáo ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa, kiến trúc, du lịch và lễ hội của các quốc gia châu Á |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập, vận dụng**  **a. Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức về các vấn đề dân cư, xã hội châu Á rèn luyện năng lực hợp tác, trung thực, giao tiếp của học sinh.  - Vận dụng kiến thức đã học về dân cư – xã hội châu Á để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.  **b. Nội dung:**  - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Vượt chướng ngại vật” với 4 chặng. Yêu cầu tất cả HS gấp SGK lại, dựa vào kiến thức đã học để vượt qua các chặng thử thách.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS  **d. Tổ chức hoạt động:**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:  **Nhiệm vụ 1**. Dựa vào bảng 6.2, em hãy nhận xét sự thay đổi số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á trong giai đoạn 2005 - 2020.  **https://baivan.net/sites/default/files/styles/giua_bai/public/d/m/Y/screenshot_89.png?itok=wZVnilqy**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân/ cặp đôi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS: Trình bày kết quả  - GV: Lắng nghe, gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  \* Số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á có xu hướng tăng trong giai đoạn 2005 - 2020:  - Năm 2005, dân số châu Á là 3,98 tỉ người, năm 2020 là 4,64 tỉ người, tăng 660 triệu người trong vòng 15 năm, trung bình mỗi năm tăng thêm 44 triệu người.  => Dân số châu Á gia tăng nhanh chóng.  - Năm 2005,tỉ lệ dân thành thị là 41%, năm 2020 là 50,9%, tăng 9,9%.  => Châu Á có tốc độ đô thị hoá nhanh.  **Vận dụng**  **Bước 1:** Giao nhiệm vụ:  **Nhiệm vụ 2**: - Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu cho bạn bè về những điểm nổi bật của thành phố thuộc tỉnh (thành phố) em đang sinh sống.  **Gợi ý:**  + 1 bài báo/ đoạn văn ngắn ; Infographic; Video ngắn.  **Bước 2.** Thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS hỏi và đáp ngắn gọn những vấn đế cần tham khảo.  **Bước 3.** Báo cáo, thảo luận  - GV dặn dò HS tự làm ở nhà, báo cáo kết quả làm việc vào tuần học tiếp theo.  **Bước 4.** Kết luận, nhận định  - Dân số hiện tại của Việt Nam là 98.741.216 người vào ngày 24/03/2022 theo số liệu mới nhất từ Liên Hợp Quốc.  - Dân số Việt Nam hiện chiếm 1,24% dân số thế giới.  - Việt Nam đang đứng thứ 15 trên thế giới trong bảng xếp hạng dân số các nước và vùng lãnh thổ.  - Mật độ dân số của Việt Nam là 318 người/km2.  - 38,05% dân số sống ở thành thị (37.198.539 người vào năm 2019).  - Độ tuổi trung bình ở Việt Nam là 33,3 tuổi.  - Trong năm 2022, dân số của Việt Nam dự kiến sẽ tăng 784.706 người và đạt 99.329.145 người vào đầu năm 2023. Gia tăng dân số tự nhiên được dự báo là dương vì số lượng sinh sẽ nhiều hơn số người chết đến 879.634 người. Nếu tình trạng di cư vẫn ở mức độ như năm trước, dân số sẽ giảm -94.928 người. Điều đó có nghĩa là số người chuyển đến Việt Nam để định cư sẽ ít hơn so với số người rời khỏi đất nước này để định cư ở một nước khác.  - Theo ước tính, tỷ lệ thay đổi dân số hàng ngày của Việt Nam vào năm 2022 sẽ như sau:  + 4.175 trẻ em được sinh ra trung bình mỗi ngày  + 1.765 người chết trung bình mỗi ngày  + -260 người di cư trung bình mỗi ngày  - Dân số Việt Nam sẽ tăng trung bình 2.150 người mỗi ngày trong năm 2022. | |

**Ngày soạn: 16/10/2024**

**Dạy ngày: 17,18,24,25/10/2024**

Tiết 13,14,15,16

Bài 7: BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á, CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

(Thời gian thực hiện 4 tiết)

# **I. MỤC TIÊU**

## 1. Kiến thức

- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.

- Biết cách sử dụng bản đồ để phân tích các đặc điểm tự nhiên của từng khu vực.

## 2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm mảnh ghép

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm.

- Năng lực Địa lí:

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí: xác định được từng khu vực của Châu Á, đặc điểm đặc trưng của mỗi khu vực.

- Năng lực tìm hiểu địa lí, giáo viên tạo điều kiện cho học sinh sử dụng các công cụ của địa lí học như: atlat địa lí, bản đồ, lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh,...

## 3. Phẩm chất

- Thích đọc sách báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để hiểu được đặc điểm kinh tế xã hội của các nước ở châu Á. Tìm hiểu phân tích các điều kiện tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.

- Có trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

-Có hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam;

# **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bản đồ chính trị châu Á.

- Bản đồ tự nhiên của từng khu vực châu Á.

- Các hình ảnh về tự nhiên, kinh tế - xã hội của các khu vực châu Á.

- Phiếu học tập.

- Sách giáo khoa, vở ghi.

# **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Mở đầu**

## **a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho học sinh trước khi vào bài mới.

**b) Nội dung***:* Quan sát hình ảnh trả lời câu hỏi: Đây là khu vực nào của châu Á?

**c) Sản phẩm:**câu trả lời của học sinh

## **d) Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV chiếu 4 hình ảnh liên quan đến châu Á, yêu cầu học sinh quan sát cho biết đây là khu vực nào của châu Á?

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh quan sát hình ảnh và ghi câu trả lời ở mỗi bức ảnh ra nháp.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV định hướng cho các em, mở rộng nội dung để tạo tính hứng thú.

+ Khuyến khích động viên các em mạnh dạn đưa ra câu trả lời.

+ Học sinh sau khi xem xong 4 bức ảnh đưa ra câu trả lời ở cả 4 bức ảnh.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV khen ngợi phần trả lời, làm bài của HS.

+ Dẫn dắt vào bài mới: *Thiên nhiên châu Á phân hoá vô cùng đa dạng. Không chỉ có khu vực Đông Nam Á, châu Á còn có những khu vực nào khác? Đặc điểm tự nhiên ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu trong ba tiết học này.*

**2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động 1: Bản đồ chính trị các khu vực của châu Á**a) Mục tiêu:***-* Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. **b) Nội dung:**Xác định được các khu vực của châu Á trên bản đồ hình 1.  **c) Sản phẩm:**  - Học sinh xác định được trên bản đồ các khu vực của châu Á: Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á, Trung Á.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát hình 7.1: bản đồ chính trị châu Á và thông tin trong sgk: Xác định các khu vực châu Á hoặc các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ trong từng khu vực? Thảo luận cặp hoàn thành bảng nội dung sau:    **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Gv:** gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  **Hs:** Thực hiện nhiệm vụ theo cặp.  **- Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận:**  **Hs:** Trình bày kết quả.  **Gv:** Lắng nghe, quan sát phần trình bày của học sinh và gọi học sinh khác nhận xét.   * **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**   Gv: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  Hs: Lắng nghe, ghi bài. | **1. Bản đồ chính trị châu Á**  - Châu Á gồm 49 quốc gia và vùng lãnh thổ.  - Trên bản đồ chính trị, Châu Á được phân chia thành thành 6 khu vực. |
| **Hoạt động 2: Đặc điểm tự nhiên các khu vực châu Á**  **a. Mục tiêu**  -Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các khu vực thuộc châu Á  -Biết cách sử dụng bản đồ để nhận biết các đặc điểm tự nhiên của khu vực.  **b. Nội dung**  - Hoạt động nhóm: Dựa vào hình 2 và thông tin trong mục 2 hãy nêu một số đặc điểm của tự nhiên của các khu vực thuộc châu Á.  **c. Sản phẩm**  - Thông tin phản hồi phiếu học tập  - Câu trả lời của học sinh.  **d. Tổ chức hoạt động** | |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  Hoạt động nhóm: Kĩ thuật: mảnh ghép.  Dựa vào hình và thông tin trong mục 2, các em hãy trao đổi để hoàn thành nội dung phiếu học tập sau:  **Nhóm 1**: Khu vực Bắc Á:    **Nhóm 2**: Khu vực Trung Á:    **Nhóm 3**: Khu vực Đông Á:    **Nhóm 4**: Khu vực Tây Á:    **Nhóm 5**: Khu vực Nam Á:  Ảnh có chứa văn bản  Mô tả được tạo tự động  **Nhóm 6**: Khu vực Đông Nam Á:    **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Gv:** gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  **Hs:** Thực hiện nhiệm vụ nhóm.   * **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận:**   **Hs:** Trình bày kết quả theo nhóm.  **Gv:** Lắng nghe và gọi học sinh nhóm khác nhận xét.   * **Bước 4:** **Kết luận, nhận định, cho điểm nhóm làm tốt.**   Gv: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  -Có hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam;  Hs: Lắng nghe, ghi bài. | **2. Đặc điểm tự nhiên các khu vực châu Á**  **a. Khu vực Bắc Á:**  -Phạm vi lãnh thổ, địa hình:  Gồm toàn bộ vùng Xi-bia của Nga, với ba bộ phận:  -Khí hậu:Lạnh giá khắc nghiệt; một phần lãnh thổ còn lại có khí hậu ôn đới lục địa.  - Sông ngòi:Mạng lưới sông dày, có nhiều sông với nguồn thuỷ năng lớn (Ô bi, I-ê-nít-xây, Lê na,...).  - Khoáng sản: Phong phú, một số loại có trữ lượng lớn: dầu mỏ, than đá, kim cương, vàng, đổng, thiếc,...  -Cảnh quan: chủ yếu là rừng lá kim.  **b. Khu vực Trung Á**  -Vị trí : nằm ở trung tâm châu Á không tiếp giáp với đại dương.  - Khí hậu: Ôn đới lục địa gay gắt  -Cảnh quan:Chủ yếu là thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc.  -Khoáng sản: Dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, vàng và nhiều kim loại màu khác.  **c.Khu vực Đông Á**  - Địa hình:chia thành 2 bộ phận:Lục địa và hải đảo  - Khí hậu:+ Phần hải đảo và phía đông phần đất liền có khí hậu gió mùa.  +Phía tây phần đất liền (gồm lãnh thổ Mông Cổ và tây Trung Quốc) quanh năm khô hạn.  -Sông ngòi: Một số sông lớn: Trường Giang, Hoàng Hà,... Các sông có nhiều giá trị, tuy nhiên vào mùa mưa sông hay gây ngập lụt.  -Cảnh quan:Phía tây phát triển cảnh quan thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc  -Khoáng sản: Các khoáng sản chính là: than, dầu mỏ, sắt, thiếc, đồng, man-gan,...  **d.Khu vực Tây Á:**  -Địa hình**:** Các sơn nguyên,đồng bằngvà miền núi cao.  -Khí hậu: khô hạn và nóng.  - Sông lớn: sông Ti-grơ, sông Ơ-phrát.  - Hồ nước mặn nổi tiếng: Biển Chết  **-** Khoáng sản chính là dầu mỏ,ở các vung khác đồng, sắt, than đá…  **đ.Khu vực Nam Á:**  - Địa hình bao gồm: hệ thống núi; cao nguyên, sơn nguyên và đồng bằng.  - Khí hậu: Phần lớn có khí hậu nhiệt đới gió mùa.  - Cảnh quan: rừng nhiệt đới gió mùa và xa van.  - Khoáng sản: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt..  **e. Khu vực Đông Nam Á:**  - Lãnh thổ bao gồm hai bộ phận: phần đất liền và phần hải đảo.  - Khí hậu: Phần đất liền có khí hậu nhiệt đới; phần hải đảo có khí hậu xích đạo quanh năm nóng ẩm, mưa nhiều.  - Cảnh quan: chủ yếu là rừng nhiệt đới ẩm.  - Khoáng sản phong phú |

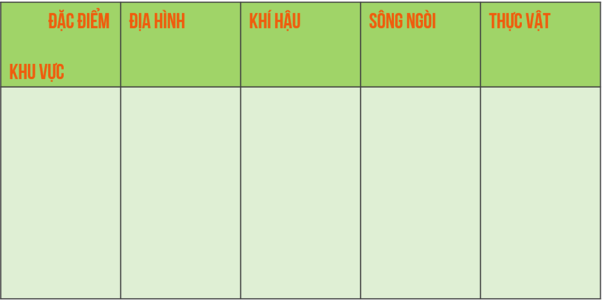
**3. Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học trong bài.

**b. Nội dung**

Câu 1: Dựa vào hình 7.1 em hãy lựa chọn 1 khu vực ở châu Á và kể tên ít nhất ba quốc gia trong khu vực đó?

Câu 2: Hoàn thành bảng tổng hợp thể hiện đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực châu Á theo mẫu bên:



**c. Sản phẩm học tập**

**Câu 1: Khu vực Đông** Nam Á. Ba quốc gia là: Việt Nam, Lào , Campuchia.

Câu 2: Ví dụ: khu vực Tây Á:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Địa hình | Khí hậu | Sông ngòi | Thực vật |
|  | Bán đảo A-ráp, bán đảo Tiểu Á, đồng bằng Lưỡng Hà. Có nhiều núi và sơn nguyên. | Lượng mưa rất thấp, khoảng 200 - 300 mm/năm, một số vùng gần Địa Trung Hải có mưa nhiều hơn. | Sông ngòi kém phát triển, nguồn nước rất hiếm. Hai sông lớn trong khu vực là Ti - grơ (Tigris) và ơ-phrát (Euphrates), biển Chết là hồ nước mặn | Phần lớn là hoang mạc và bán hoang mạc |

**d. Tổ chức hoạt động**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nội dung bài làm cho học sinh như mục mội dung.

**- Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh làm việc tại chỗ.

**- Báo cáo, thảo luận:** Học sinh trình bày trên bảng.

**- Kết luận, nhận định:** Giáo viên chấm chữa, kết luận.

**4. Hoạt động vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí, vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống, năng lực tự chủ và tự học. Nâng cao khả năng tìm hiểu kiến thức thông qua hình ảnh, sách báo, internet phục vụ học tập.

**b. Nội dung:** Hãy thu thập tranh ảnh, tư liệu về đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực của châu Á.  
**c. Sản phẩm:** Thông tin học sinh tìm được về tự nhiên ở một khu vực của châu Á mà học sinh quan tâm.

**d. Tổ chức hoạt động**

Học sinh tìm hiểu thông tin trên sách báo, internet để hoàn thành nhiệm vụ. Học sinh tìm hiểu và làm việc ở nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.